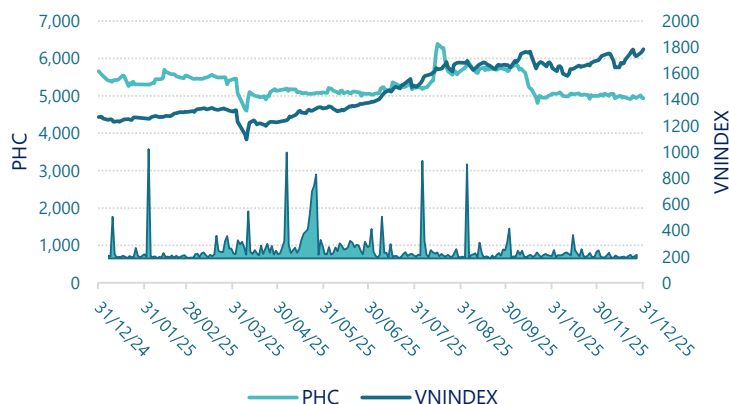


CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings (HSX: PHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,930
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,390
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
SL cổ phiếu LH	50,681,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	164,630
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
P/E	11.2
EPS	442

DT thuần

Q4/25

650

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 314 | 93.4%

YoY: ▲ 96.0 | 17.3%

LN sau thuế

Q4/25

13.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.95 | 82.0%

YoY: ▲ 12.2 | 1168%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.5%

+/- YoY: ▲ 1.7%

DT thuần

2025

1,536

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 22.0 | -1.4%

LN sau thuế

2025

22.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.0 | 378%

ROE

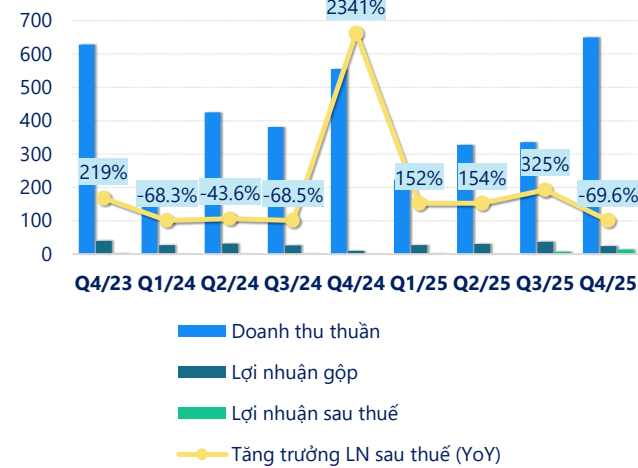
2025

3.3%

+/- YoY: ▲ 2.6%

tỷ VNĐ

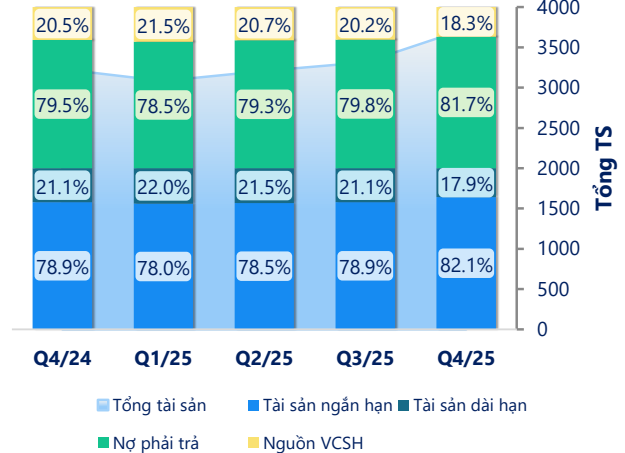
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

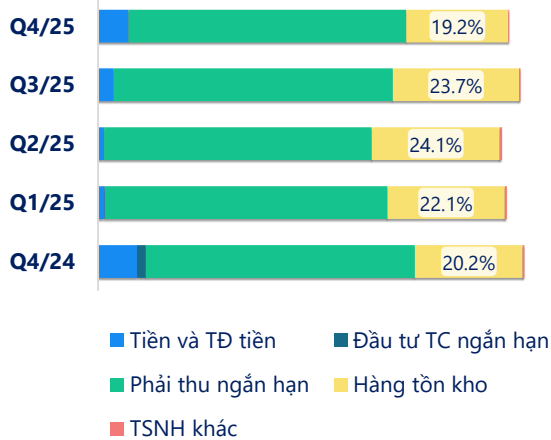
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



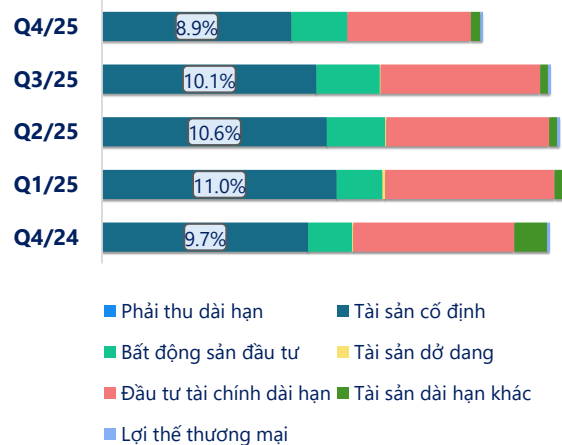
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

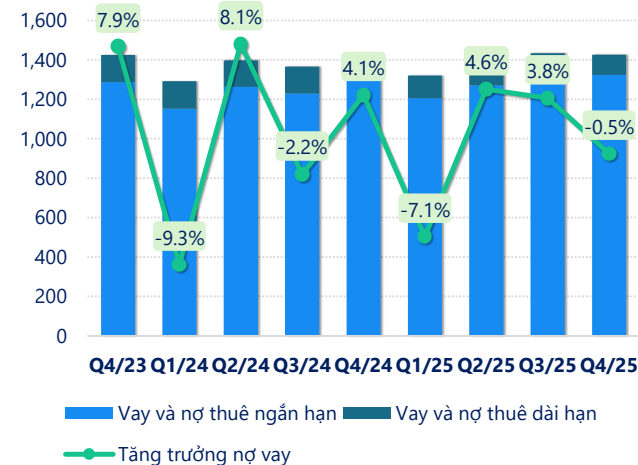
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

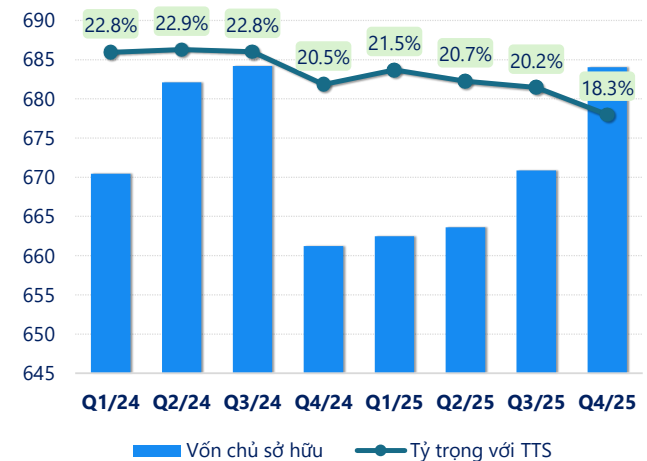
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

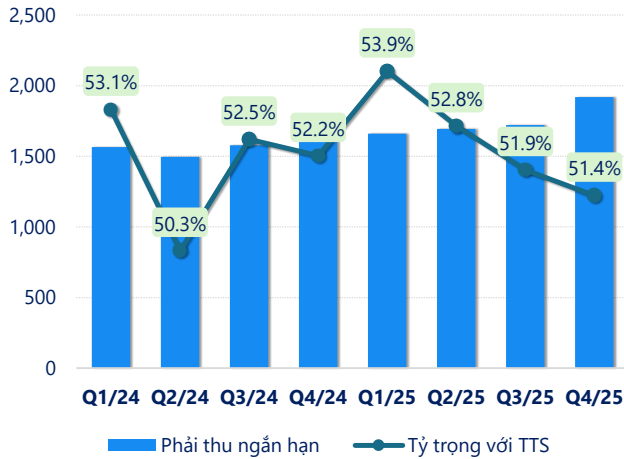
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



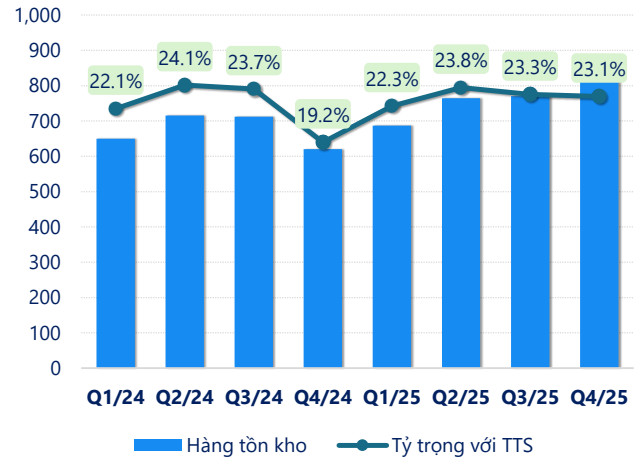
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


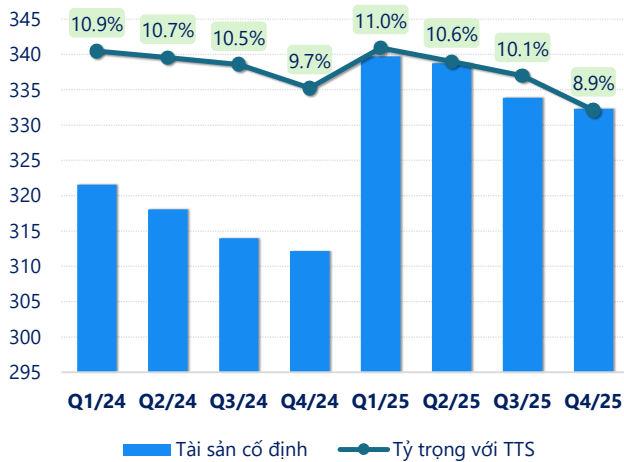
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


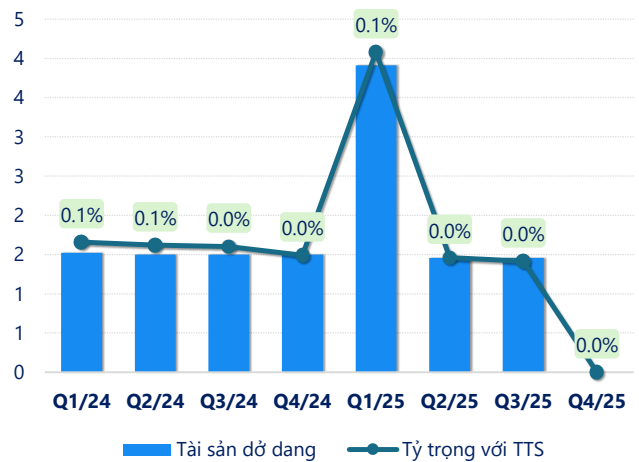
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

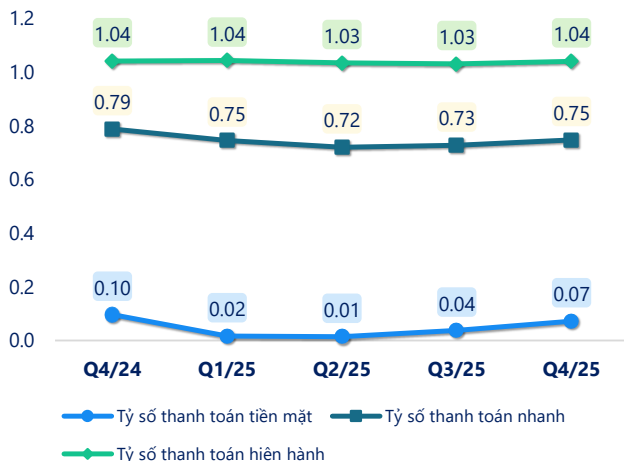
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

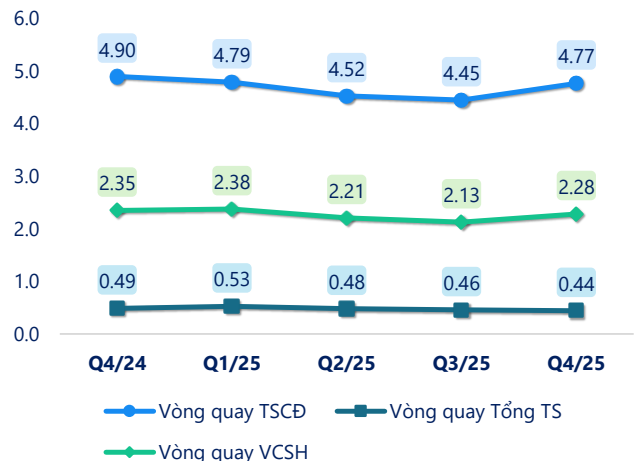
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,231	3,082	3,206	3,314	3,732
Tài sản ngắn hạn	2,550	2,404	2,516	2,614	3,063
Tiền và tương đương tiền	236	37.8	34.5	94.9	213
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	10.2	10.9	15.9	48.7
Phải thu ngắn hạn	1,687	1,660	1,693	1,721	1,919
Hàng tồn kho	620	687	765	771	862
Tài sản ngắn hạn khác	5.04	9.05	12.8	12.1	21.2
Tài sản dài hạn	681	677	691	699	668
Phải thu dài hạn	0.85	0.29	0.29	0.29	0.29
Tài sản cố định	312	340	339	334	332
Bất động sản đầu tư	67.0	66.5	88.1	98.7	98.2
Tài sản dở dang	1.50	3.91	1.46	1.46	0
Đầu tư tài chính dài hạn	245	245	245	248	216
Tài sản dài hạn khác	49.4	17.1	12.1	12.4	17.2
Lợi thế thương mại	4.76	4.64	4.52	4.40	4.28
Nợ phải trả	2,569	2,419	2,543	2,643	3,048
Nợ ngắn hạn	2,449	2,304	2,432	2,536	2,944
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,303	1,206	1,271	1,328	1,323
Phải trả người bán ngắn hạn	750	641	652	604	761
Nợ dài hạn	120	115	111	107	103
Vay và nợ thuê dài hạn	120	115	110	106	103
Nguồn vốn chủ sở hữu	661	662	664	671	684
Vốn chủ sở hữu	661	662	664	671	684
Vốn điều lệ	507	507	507	507	507
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)